

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp” kèm theo Quyết định này.

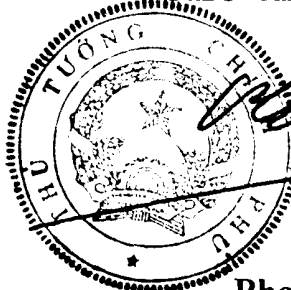
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội và hội nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Thư ký Chương trình, Cơ quan thường trực Chương trình;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, BDH 112, Người phát ngôn của TTCP;
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KG (5b). A (320b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Khiêm

03020078

QUY CHẾ

**Quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)**

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp được phê duyệt theo Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là “Chương trình”).

2. Quy chế này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình.

Điều 2. Nội dung Chương trình:

Nội dung Chương trình quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Điều 3. Phương thức quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý, chủ trì triển khai, thực hiện nội dung Chương trình thông qua việc quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động chung và các dự án theo quy định tại Quy chế này.

2. Việc quản lý các dự án căn cứ theo nội dung Hợp đồng giữa cơ quan quản lý dự án với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Nội dung quản lý Chương trình

1. Quản lý việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động chung của Chương trình, gồm: thông tin, tuyên truyền về Chương trình; hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình; nghiên cứu, tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở trong nước và ngoài nước; thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ; khảo sát, điều tra và các hoạt động khác nhằm chỉ đạo, tổ chức triển khai Chương trình.

2. Quản lý các dự án thuộc Chương trình, gồm: các hoạt động liên quan đến việc đề xuất, tuyển chọn các dự án; tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án; giao thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án; nghiệm thu kết quả, phân tích, đánh giá, tổ chức áp dụng và khai thác các kết quả và quản lý kinh phí, phương tiện để thực hiện dự án.

Điều 5. Tổ chức quản lý Chương trình; Cơ quan quản lý dự án

1. Ban Chỉ đạo Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập do Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Trưởng Ban và Thứ trưởng của các Bộ có liên quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức triển khai Chương trình. Giúp việc Ban Chỉ đạo là Ban Thư ký do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định.

2. Cơ quan thường trực Chương trình có nhiệm vụ quản lý các hoạt động chung và các dự án Trung ương trực tiếp quản lý do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định.

3. Cơ quan quản lý dự án ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định, có nhiệm vụ quản lý các dự án do Trung ương uỷ quyền.

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án chịu trách nhiệm trực tiếp trước Cơ quan thường trực Chương trình và Cơ quan quản lý dự án ở địa phương đối với mọi hoạt động của dự án.

Chương II

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Tiêu chí tuyển chọn, phân loại dự án

1. Các dự án thuộc Chương trình được tuyển chọn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Tính thống nhất: nội dung và mục tiêu của dự án phù hợp với nội dung và mục tiêu của Chương trình;

b) Tính bao quát và điển hình: vấn đề hoặc nhiệm vụ mà dự án giải quyết mang tính phổ biến hoặc là nhu cầu chung của nhiều doanh nghiệp, của một địa phương hoặc khu vực;

c) Tính khả thi:

- Căn cứ xây dựng dự án hợp lý;

- Nội dung dự án phù hợp với năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện;

- Kinh phí thực hiện dự án phù hợp với khả năng bảo đảm nguồn kinh phí của Chương trình và khả năng huy động kinh phí của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án;

- Thời gian thực hiện dự án từ 01 đến 05 năm nhưng phải kết thúc muộn nhất vào năm 2010.

d) Tính hiệu quả:

- Kết quả (sản phẩm) của dự án có thể sử dụng chung hoặc có thể phổ biến để sử dụng cho nhiều doanh nghiệp hoặc nhiều địa phương, khu vực có sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ hàng hoá;

- Dự án giải quyết một vấn đề hoặc một nhiệm vụ cụ thể, đáp ứng một hoặc một số nhu cầu thiết thực của doanh nghiệp, của địa phương, khu vực có sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ hàng hoá;

- Dự án có khả năng đóng góp cho lợi ích của các doanh nghiệp, địa phương.

2. Các dự án thuộc Chương trình được phân loại như sau:

a) Các dự án Trung ương trực tiếp quản lý bao gồm: Dự án được xây dựng và triển khai nhằm mục đích xây dựng mô hình điểm để nhân rộng; giải quyết các vấn đề có tầm quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội; có quy mô toàn quốc hoặc có ảnh hưởng liên vùng hoặc một vùng kinh tế trọng điểm; việc thực hiện đòi hỏi sự phối hợp của nhiều Bộ, ngành, địa phương;

b) Các dự án Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý: Dự án được xây dựng và triển khai theo mô hình điểm đã được tổng kết, nghiệm thu; giải quyết vấn đề phát triển sản xuất thuộc địa phương và phù hợp với năng lực tổ chức quản lý của Cơ quan quản lý dự án ở địa phương.

Điều 7. Danh mục các dự án

1. Trên cơ sở mục tiêu, nội dung tổng quát và kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo cho các cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình để các cơ quan đó thu thập, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp, các địa phương thuộc phạm vi quản lý của mình, từ đó đề xuất danh mục các dự án tham gia Chương trình.

2. Căn cứ các danh mục dự án của các cơ quan phối hợp và trên cơ sở tự đề xuất, Cơ quan thường trực Chương trình xây dựng Danh mục các dự án gửi Ban Thư ký để Ban Thư ký tiến hành các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Nội dung chính của Danh mục các dự án bao gồm: tên và ký mã hiệu của mỗi dự án; loại dự án (Trung ương trực tiếp quản lý hoặc Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý); tóm tắt mục tiêu, yêu cầu và nội dung của dự án; dự kiến sản phẩm (kết quả) của dự án; thời gian thực hiện; dự kiến những doanh nghiệp, địa phương sẽ được hưởng lợi (được sử dụng kết quả) từ dự án; điều kiện đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

Điều 8. Phê duyệt Danh mục các dự án

1. Ban Thư ký Chương trình có trách nhiệm tổ chức đánh giá từng dự án thuộc Danh mục các dự án do Cơ quan thường trực Chương trình lập theo các tiêu chí quy định tại Điều 6 Quy chế này và đề nghị Ban Chỉ đạo xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Các dự án đã phê duyệt được sắp xếp thứ tự ưu tiên theo tính cấp bách của vấn đề, giá trị hỗ trợ của dự án và được phân loại thành dự án Trung ương trực tiếp quản lý và dự án Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý.

3. Danh mục các dự án sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt được công bố công khai để các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện.

Điều 9. Đăng ký chủ trì thực hiện dự án

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký chủ trì thực hiện dự án phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 Quy chế này và phải lập Hồ sơ đăng ký theo mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

2. Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án phải được nộp cho Cơ quan thường trực Chương trình (đối với dự án Trung ương trực tiếp quản lý) và Cơ quan quản lý dự án ở địa phương (đối với dự án Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý) trong thời hạn đăng ký đã được ấn định khi công bố Danh mục các dự án.

Điều 10. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

1. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án:

a) Đăng ký chủ trì thực hiện dự án theo quy định;

b) Đối với tổ chức: có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của dự án; đối với cá nhân: có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của dự án;

c) Có đủ năng lực (cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực), khả năng phối hợp, liên kết với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thành công dự án;

d) Có khả năng huy động tài chính cho thực hiện dự án;

đ) Có cá nhân làm chủ nhiệm dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện đối với chủ nhiệm dự án

- a) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực dự án;
- b) Có kinh nghiệm, khả năng tổ chức, quản lý thực hiện dự án;
- c) Có đủ thời gian để thực hiện dự án.

Điều 11. Cơ chế tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

1. Các dự án và tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án được tuyển chọn theo các tiêu chí tuyển chọn dự án và điều kiện chủ trì thực hiện dự án quy định tại Điều 6 và Điều 10 Quy chế này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về quy chế tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

Điều 12. Thủ tục tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

1. Đối với dự án Trung ương trực tiếp quản lý:

a) Cơ quan thường trực Chương trình tổ chức tiếp nhận, xem xét Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án, tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Kết quả tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án được công bố sau khi Ban Thư ký trình Ban Chỉ đạo xem xét và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

2. Đối với dự án Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý:

Việc tiếp nhận, xem xét Hồ sơ đăng ký dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án do Cơ quan quản lý dự án ở địa phương tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

Điều 13. Bổ sung, điều chỉnh dự án và bổ sung Danh mục các dự án

1. Trong quá trình thực hiện dự án, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có thể đề nghị bổ sung hoặc điều chỉnh nội dung, thời hạn, địa điểm thực hiện dự án. Việc bổ sung, điều chỉnh dự án phải được đề nghị bằng văn bản và được cơ quan quản lý dự án xem xét theo trình tự xem xét Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án.

2. Các doanh nghiệp, địa phương, khu vực sản xuất các đặc sản, cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình, cơ quan thường trực Chương trình và các cơ quan quản lý dự án ở địa phương có thể đề nghị bổ sung Danh mục các dự án. Việc bổ sung dự án vào Danh mục phải được đề nghị bằng văn bản và được cơ quan quản lý dự án xem xét, phê duyệt theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 14. Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án

1. Trên cơ sở kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương ký Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án với tổ chức, cá nhân đã được tuyển chọn chủ trì thực hiện dự án, trong đó Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương là Bên giao việc, tổ chức hoặc cá nhân được tuyển chọn chủ trì thực hiện dự án là Bên nhận việc.

2. Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án là căn cứ pháp lý để ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

Điều 15. Kinh phí thực hiện dự án

1. Kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý được lấy từ ngân sách trung ương cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện Chương trình. Kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý được lấy chủ yếu từ ngân sách địa phương và hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện Chương trình.

2. Mức chi, thủ tục lập dự toán, phê duyệt, giao, cấp phát, hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện dự án được quy định trong Thông tư liên tịch hướng dẫn sử dụng và quản lý tài chính cho Chương trình do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo, ban hành.

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện dự án

1. Cá nhân, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án có nghĩa vụ và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sử dụng một cách có hiệu quả kinh phí được cấp phù hợp với Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án.

2. Cá nhân, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án có quyền ký các hợp đồng giao việc, thuê khoán với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các hạng mục công việc thuộc nội dung dự án đã được giao chủ trì.

Điều 17. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án

1. Cơ quan thường trực Chương trình và Cơ quan quản lý dự án ở địa phương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các dự án thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án đang được thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

Điều 18. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng

1. Các bên tham gia Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án có thể đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý dự án hoặc cơ quan quản lý dự án cấp trên :

a) Sửa đổi nội dung, tiến độ, thời hạn và kinh phí thực hiện hợp đồng cho phù hợp với điều kiện thực tế;

b) Chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương có trách nhiệm báo cáo các đề nghị sửa đổi, chấm dứt hợp đồng và đề xuất phương án giải quyết để Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tùy theo Hợp đồng đó liên quan đến dự án Trung ương trực tiếp quản lý hoặc dự án Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý.

3. Sau khi có quyết định chấm dứt hợp đồng của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bên tham gia hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của dự án và báo cáo bằng văn bản về các công việc đã triển khai thực hiện, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua (nếu có) cho Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương để các cơ quan này kiến nghị phương án giải quyết hậu quả cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tùy theo dự án liên quan là dự án Trung ương trực tiếp quản lý hoặc Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý.

Điều 19. Chế độ báo cáo việc thực hiện dự án

1. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm định kỳ (6 tháng và hàng năm), đột xuất (theo yêu cầu của Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương) báo cáo tình

hình thực hiện dự án, đánh giá hiệu quả của dự án, đề xuất và kiến nghị các biện pháp nhằm thực hiện tốt dự án cho Cơ quan thường trực Chương trình hoặc Cơ quan quản lý dự án ở địa phương.

2. Cơ quan quản lý dự án ở địa phương có trách nhiệm định kỳ (6 tháng và hàng năm) báo cáo tình hình thực hiện các dự án được uỷ quyền quản lý cho Cơ quan thường trực Chương trình.

3. Cơ quan thường trực Chương trình tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các dự án, định kỳ (6 tháng và hàng năm) để Ban Thư ký thông qua và báo cáo Ban Chỉ đạo.

4. Hàng năm, Ban Chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình.

Điều 20. Nghiệm thu dự án

1. Đối với dự án do Trung ương trực tiếp quản lý:

a) Cơ quan thường trực Chương trình có trách nhiệm tổ chức việc nghiệm thu các dự án theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Kết quả nghiệm thu, đánh giá dự án được gửi Ban Thư ký thẩm tra trước khi trình Ban Chỉ đạo Chương trình xét duyệt, đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Cơ quan thường trực Chương trình có trách nhiệm phân tích, đánh giá và tổ chức áp dụng rộng rãi các mô hình dự án đã thực hiện.

2. Đối với dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý:

Cơ quan quản lý dự án ở địa phương có trách nhiệm tổ chức việc nghiệm thu, đánh giá dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt kết quả nghiệm thu, đánh giá dự án được uỷ quyền quản lý theo thủ tục và trình tự như đối với dự án do Trung ương quản lý.

Điều 21. Khai thác kết quả của dự án

Cơ quan thường trực Chương trình và Cơ quan quản lý dự án ở địa phương có trách nhiệm xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án khai thác, sử dụng kết quả của dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình trên cơ sở phương án do tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đệ trình.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức và thực hiện Chương trình

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:

- a) Chủ trì việc điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình;
- b) Chủ trì và phối hợp với các Cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình xác định và phê duyệt Danh mục các dự án thuộc Chương trình và tuyên chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đối với các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý;
- c) Tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án đối với các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý;
- d) Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí các hoạt động chung của Chương trình; nội dung và kinh phí cho thực hiện các dự án Trung ương trực tiếp quản lý và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý;
- đ) Tổng hợp, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm cho Chương trình; giao dự toán kinh phí hoạt động chung của Chương trình và dự toán kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý cho Cơ quan thường trực Chương trình; cân đối kinh phí hỗ trợ theo kế hoạch đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc giải quyết những vấn đề về tài chính của Chương trình;
- e) Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Chương trình; phối hợp với các cơ quan được uỷ quyền quản lý dự án trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình;
- g) Phê duyệt quyết toán kinh phí của các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động chung của Chương trình;
- h) Phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý theo quy định hiện hành;
- i) Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương trực tiếp quản lý đã được phê duyệt; sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án khi cần thiết;
- k) Xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm của Chương trình;
- l) Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý và phê duyệt kết quả đánh giá nghiệm thu;
- m) Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả hoạt động và tổng kết Chương trình.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Chủ trì và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo và ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn sử dụng và quản lý tài chính cho Chương trình;

b) Xem xét, đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện Chương trình;

c) Hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện đúng các quy định về tài chính hiện hành;

d) Chủ trì giải quyết những vấn đề về tài chính của Chương trình.

3. Trách nhiệm của các Bộ: Tư pháp, Văn hoá - Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủy sản, Giáo dục và Đào tạo, Thương mại, Công nghiệp và Y tế:

a) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình;

b) Đề xuất danh mục các dự án thuộc Chương trình; tham gia tuyển chọn dự án vào Danh mục các dự án; tham gia tuyển chọn dự án và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đối với các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban Chỉ đạo Chương trình trong việc kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện dự án;

d) Tham gia xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án đối với các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý;

đ) Tham gia thẩm định nội dung và dự toán kinh phí các hoạt động chung của Chương trình; nội dung và kinh phí cho thực hiện các dự án do Trung ương trực tiếp quản lý và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý;

e) Tham gia kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Chương trình;

g) Tham gia đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương trực tiếp quản lý;

h) Tham gia sơ kết, đánh giá kết quả hoạt động và tổng kết Chương trình.

4. Trách nhiệm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; của các hiệp hội và hội ngành nghề:

a) Đề xuất các dự án vào Danh mục các dự án thực hiện Chương trình căn cứ vào nhu cầu của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký chủ trì thực hiện dự án;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban Chỉ đạo Chương trình trong việc kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện các dự án;

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện dự án.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Đề xuất các dự án vào Danh mục các dự án thực hiện Chương trình căn cứ vào nhu cầu của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Phê duyệt nội dung, kinh phí cho các dự án do Trung ương uỷ quyền quản lý và kiến nghị mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách trung ương và giao cho Cơ quan quản lý dự án ở địa phương trực thuộc tổ chức thực hiện các dự án này;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban Chỉ đạo Chương trình trong việc kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện các dự án;

d) Phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các dự án do Trung ương uỷ quyền quản lý theo quy định hiện hành;

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện dự án; chỉ đạo cơ quan chủ trì dự án xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhân rộng kết quả của các dự án của Chương trình.

6. Trách nhiệm cụ thể của Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký, Cơ quan thường trực Chương trình, Cơ quan quản lý dự án ở địa phương do Bộ trưởng, Bộ Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án hoàn thành đúng hạn, được nghiệm thu và đánh giá xuất sắc.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hoặc làm trái với các quy định về quản lý Chương trình phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Khiêm